Ngày soạn: 09/10/2020

Ngày dạy: 12/10/2020

**Môn: Tiếng việt**

**Tiết: 46,47**

**Bài 28 t th** (2 tiết)

1. **MỤC TIÊU**

* Nhận biết âm và chữ cái **t, th;** đánh vần, đọc đúng tiếng có **t, th.**
* Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm **t,** âm **th.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Lỡ tí ti mà.*
* Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng: **t, th,** tiếng **tổ, thỏ.**

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
2. **Giáo viên**: Máy chiếu. Phiếu hoặc 4 thẻ từ để 1 HS làm BT đọc hiểu. *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một.
3. **Học sinh:** Sách giáo khoa,Vở BT, bảng con, phấn
4. **HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   - Ổn định  -GV cho HS các tổ thi đọc bài Tập đọc *Ở nhà bà* (bài 27). | - Hát  - HS đọc bài Tập đọc *Ở nhà bà* (bài 27). |
| **Giới thiệu bài: GV** giới thiệu bài học mới: âm và chữ cái **t, th.**   * GV chỉ từng chữ trong tên bài, phát âm cho HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại. * GV giới thiệu chữ T in hoa dưới chân trang 2 của bài đọc.  1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)** | - Hs thực hiện  - Hs quan sát |
| **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  |
| * 1. Âm **t,** chữ **t.**   Gv giới thiệu tổ chim  C:\Users\dell\AppData\Local\Microsoft\Windows\INetCache\Content.Word\giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-52-bai-28-t-th-h1.jpg  - GV chỉ vào hình: Đây là gì?  - GV chỉ tiếng **tổ.** cho HS đọc: **tổ**  - GV yc HS phân tích tiếng **tổ**  - Cho HS đọc trơn và đánh vần : **tổ**   * 1. Âm **th** và chữ **th** (làm như **t):**   C:\Users\dell\AppData\Local\Microsoft\Windows\INetCache\Content.Word\giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-52-bai-28-t-th-h1.jpg  GV chỉ vào hình: Đây là con vật gì?  - GV chỉ tiếng **thỏ.** cho HS đọc: **thỏ**  - GV yc HS phân tích tiếng **thỏ**  Đánh vần: **thờ - o- tho - hỏi - thỏ / thỏ.**  - Cho HS đọc trơn và đánh vần : **thỏ** | * HS nhìn hình, nói: tổ chim. * HS (cá nhân, cả lớp) đọc: **tổ.** * Phân tích tiếng **tổ:** âm **t,** âm **ô,** dấu hỏi. * Đánh vần và đọc tiếng: **tờ - ô - tô - hỏi - tổ / tổ.**   - Hs thực hiện   * HS nhìn hình, nói: con thỏ * HS (cá nhân, cả lớp) đọc: **thỏ** * Phân tích tiếng **thỏ:** âm **th,** âm **o,** dấu hỏi. * Đánh vần và đọc tiếng: * - Hs thực hiện |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** |  |
| * 1. **Mở rộng vốn .từ (BT 2: Tiếng nào có âm t? Tiếng nào có âm th?)**   https://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/25/giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-52-bai-28-t-th-h2.jpg  - GV chỉ âm, từ khoá vừa học, cả lớp đánh vần và đọc trơn  - Cho HS tìm các tiếng có âm t, th trong bài  -GV cho HS nói 3-4 tiếng ngoài bài có âm **t, th**  - HS gắn lên bảng cài: **t, th.**  **2.2. Tập đọc (BT 3)**  a) GV giới thiệu 4 hình minh hoạ câu chuyện: hổ và thỏ kê ti vi.https://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/25/giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-52-bai-28-t-th-h3.jpghttps://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/25/giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-52-bai-28-t-th-h4.jpg  b) GV đọc mẫu.  c)Luyện đọc từ ngữ: lỡ, tí ti, nhờ thỏ, kê ti vi, xô đổ, khà khà, bỏ qua. GV giải nghĩa từ: lỡ (như nhỡ, tí tí (hết sức ít); khà khà: cười vui. | - Hs thực hiện  https://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/25/giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-52-bai-28-t-th-h2-dap-an.jpg  -HS nói 3-4 tiếng ngoài bài có âm t (ta, tai, tài, táo, tim, tối,...); có âm th (tha, thái, thèm, thềm, thảo,...).  -1 HS nói 2 chữ mới học: t, th; 2 tiếng mới học: tổ, thỏ. GV chỉ mô hình các tiếng, cả lớp đánh vần, đọc trơn. HS gài lên bảng cài chữ t, th.  - Hs luyện đọc |
| **Tiết 2 (30 phút)** | |
| a) Luyện đọc từng lời dưới tranh  - GV: Bài đọc có 4 lời dưới 4 tranh (9 câu).  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng. Có thể đọc liền 2 câu (Hổ la: “Thỏ phá nhà ta à? ”), liền 3 câu (lời dưới tranh 4).  b) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn là lời dưới 2 tranh) (theo cặp, tổ).  g) Thi đọc theo lời nhân vật (người dẫn chuyện, hổ, thỏ)  - (Làm mẫu): GV vai người dẫn chuyện, cùng 2 HS (vai hổ, thỏ), làm mẫu.  - Từng tốp (3 HS) phân vai luyện đọc trước khi thi.  - Vài tốp thi đọc. GV khen HS, tốp HS đọc đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm.  h) Tìm hiểu bài đọc  - GV đưa lên bảng nội dung BT; chỉ từng vế câu cho cả lớp đọchttps://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/25/giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-52-bai-28-t-th-h5.jpg  - HS nối các vế câu trong VBT (hoặc làm miệng).  - HS nói kết quả, GV giúp HS nối ghép các vế câu trên bảng lớp. / Cả lớp nhắc lại kết quả: a - 2) Hổ nhờ thỏ kê ti vi. / b - 1) Thỏ lỡ xô đổ ghế, bị hổ la.  - GV: Hổ la thế nào? (Hổ la: —Thỏ phá nhà ta à?”)  - GV: Nghe thỏ nói —Tớ lỡ tí ti mà”, hổ nói gì? (Hổ khà khà: —À, tớ nhờ thỏ kia mà. Bỏ qua!”). GV: Lúc đó, hổ mới nhớ là nó đang nhờ thỏ giúp mà lại la mắng thỏ. Như thế là bất lịch sự, nên cười —khà khà”, và nói bỏ qua chuyện đó.  **. Tập viết (bảng con - BT 4)**  a) Cả lớp đọc các chữ, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.  b) GV vừa viết mẫu vừa hướng dầhttps://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/25/giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-52-bai-28-t-th-h6.jpg  - Chữ t: cao 3 li; viết. 1 nét hất, 1 nét móc ngược, 1 nét thẳng ngang.  - Chữ th: là chữ ghép từ 2 chữ t và h (viết chữ h: 1 nét khuyết xuôi, 1 nét móc hai đầu). Chú ý viết t và h liền nét.  - Tiếng tổ: viết t trước, ô sau, dấu hỏi đặt trên ô.  - Tiếng thỏ: viết th trước, o sau, dấu hỏi đặt trên 0.  c. Thực hành viết  Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  - GV nhận xét   1. **Củng cố và nối tiếp (2 phút)**   Về nhà làm lại bài tập  - GV khuyến khích HS tập viết chữ **t,th** trên bảng con.  - xem trước bài tiếp theo  GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Hs thực hiện  Đọc tiếp nối từng lời (cá nhân, từng cặp).  - Hs thực hiện  1 HS đọc cả bài. / Cả lớp đọc cả bài (đọc nhỏ).  -Hs thực hiện  https://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/25/giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-52-bai-28-t-th-h5-dap-an.jpg  Hs thực hiện  - Hs quan sát  - HS viết chữ **ng, ngh** và tiếng **ngà, nghé** lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3-4 HS giới thiệu bài trước lớp  - HS khác nhận xét  HS viết t, th (2 lần). / Viết: tổ, thỏ. |

Ngày soạn: 09/10/2020

Ngày dạy: 12/10/2020

**Môn: Toán**

**Tiết: 16**

**Bài 14. LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG**

**I.MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác gộp, nhận biết cách sử dụng các dấu (+, =).

- Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa gộp) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.DỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ số, các thẻ dấu (+, =), thanh gài phép tính.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng (với nghĩa gộp).

**2. Học sinh**

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. Khởi động ( 3 phút)  - Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:  *+ Quan sát hai bức tranh* trong SGK.  *+ Nói* với bạn về những điều quan sát được từ mỗi bức tranh, chẳng hạn: Có 3 quả bóng màu xanh; Có 2 quả bóng màu đỏ; Có tất cả 5 quả bóng được ném vào rổ. | - HS thực hiện |
| - GV hướng dần HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được.  **2. Hoạt động cơ bản (30 phút)** | - HS xem tranh |
| Hoạt động 1: hình thành kiến thức  1.1. Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  Tay phải cầm 3 que tính. Tay trái cầm 2 que tính. *Gộp lại* (cả hai tay) và đếm xem có tất cả bao nhiêu que tính. | - HS thực hiện  - HS nói, chẳng hạn: “Tay phải có 3 que tính. Tay trái có 2 que tính. Có tất cả 5 que tính”. |
| GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Có... Có tất cả...* |  |
| **1.2.Hoạt động cả lớp:**  GV dùng các chấm tròn để diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện trên que tính. | - HS nghe GV giới thiệu phép cộng, dấu +, dấu =: HS nhìn 3 + 2 = 5 và đọc *ba cộng hai băng năm.* |
| - GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học 3 + 2 = 5. |  |
| **1.3.Củng cố kiến thức mới:**  - GV nêu tình huống khác, HS đặt phép cộng tương ứng rồi gài phép tính vào thanh gài. Chăng hạn: GV nêu: “Bên trái có 1 chấm tròn, bên phải có 4 chấm tròn, gộp lại có tất cả mấy chấm tròn? Bạn nào nêu được phép cộng?”; | - HS gài phép tính 1 +4 = 5 vào thanh gài.  - Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng. |
| Hoạt động 2 thực hành, luyện tập  Bài 1  - Cho HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn: | - HS thực hiện |
| + Bên trái có 2 quả bóng vàng. Bên phải có 1 quả bóng xanh. Có tất cả bao nhiêu quả bóng? |  |
| + Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi viết phép tính 2+1 = 3 vào vở. | - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lóp. |
| GV chốt lại cách làm bài, gợi ý đê HS sử dụng mầu câu khi nói về bức tranh: *Có...Có...Có tất cả...* |  |
| Bài 2  - Cho HS quan sát tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng tranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích họp cho từng tranh vẽ, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp. | - HS quan sát tranh . Chia sẻ trước lớp. |
| - GV chốt lại cách làm bài. |  |
| Bài 3. - Cho HS quan sát tranh, đọc phép tính tương ứng đã cho, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh. Chia sẻ trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Có... Có tất cả...* |  |
| 1. Ứng dụng (vận dụng) thực hành   HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (với nghĩa gộp) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: An có 5 cái kẹo. Bình có 1 cái kẹo. Hỏi cả hai bạn có tất cả mấy cái kẹo? |  |
| 4. Củng cố và nối tiếp (2 phút)  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng để hôm sau chia sẻ với các bạn.  Nhận xét, Tuyên dương |  |

Ngày soạn: 10/10/2020

Ngày dạy: 13/10/2020

**Môn: Tiếng việt**

**Tiết: 16**

**Bài 29 tr ch**  (2 tiêt)

1. **MỤC TIÊU**

* Nhận biết âm và chữ cái **tr, ch;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **tr, ch.**
* Nhìn chừ dưới hình, tìm đúng tiếng có **tr,** có **ch.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Đi nhà trẻ.*
* Biết viết trên bảng con các chữ, tiêng: **tr, ch, tre, chó.**

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên: Giáo viên**: Máy chiếu. Phiếu BT, *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một.

1. **Học sinh:** Sách giáo khoa,Vở BT, bảng con, phấn
2. **HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   Ổn định  GV kiểm tra HS viết, đọc các chữ **tổ, thỏ.** | - hát  HS viết, đọc các chữ **tổ, thỏ.** |
| 1. **Giới thiệu bài:** âm và chữ cái **tr, ch.**   GV chỉ từng chữ **tr, ch,** phát âm mẫu, cho HS (cả nhân, cả lớp) nói lại.   1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)** | - Hs nhắc lại bài |
| **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  |
| * 1. Âm **tr,** chữ **tr: Gv giới thiệu tranh cây tre**   C:\Users\dell\AppData\Local\Microsoft\Windows\INetCache\Content.Word\giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-54-bai-29-tr-ch-h1.jpg  - Đây là cây gì?  - GV chỉ tiếng **tre**  **-** GV yc HS phân tích tiếng **tre**  - Cho HS đọc trơn và đánh vần : **tre**   * 1. Âm **ch,** chữ **ch:**   - Đây là con gì?  C:\Users\dell\AppData\Local\Microsoft\Windows\INetCache\Content.Word\giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-54-bai-29-tr-ch-h1.jpg  - GV chỉ tiếng **chó**  **-** GV yc HS phân tích tiếng **chó**  - Cho HS đọc trơn và đánh vần : **ngà**  \* Củng cố:  GVchỉ mô hình các tiếng, | HS nói: cây tre.  Đọc: **tre.**  Phân tích tiếng **tre.**  Đánh vần: **trờ - e - tre / tre.**  - con chó  - HS đọc trơn: **chó**  HS nhận biết: **ch, o,** dấu sắc; đọc: **chó.** / Phân tích tiếng **chó. /** Đánh vần, đọc trơn: **chờ - o - cho - sắc - chó / chó.**  HS nói 2 chữ mới vừa học: **tr, ch;** 2 tiếng  mới: **tre, chó.**  HS đánh vần, đọc trơn. HS gài lên bảng cài: **tr, ch.** |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** |  |
| **2.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **tr?** Tiếng nào có âm ch?  https://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/26/giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-54-bai-29-tr-ch-h2.jpg có âm **ch?)**  - Cho HS tìm các tiếng có âm ng, ngh trong bài  -GV cho HS nói 3-4 tiếng ngoài bài có âm **ng, ngh**   * từng hình, cả lớp: Tiếng **trà** có âm   **2.2.Tập đọc** (BT 3)   1. GV chỉ hình minh hoạ: Đây là hình ảnh bé Chi ở nhà trẻ. Các em cùng đọc bài xem bé Chi đi nhà trẻ thế nào.   https://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/26/giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-54-bai-29-tr-ch-h3.jpg   1. GV đọc mẫu.   **Đi nhà trẻ**  Chị Trà cho bé Chi đi nhà trẻ. Qua chợ, chị chỉ cho bé cá trê, cá mè…  Ở nhà trẻ, Chi nhớ mẹ. Chị Trà dỗ: “Bé nhè thì cô chê đó”. Bé nghe chị.   1. Luyện đọc từ ngữ: **nhà trẻ, chị Trà, bé Chi, qua chợ, cá trê, cá mè, nhớ mẹ, bé nhè.** | - HS thực hiện vào phiếu BT   * HS nói thêm 3-4 tiếng có âm **tr** (trai, tranh, trao, trôi, trụ,...); có âm **ch** (cha, chả, cháo, chim, chung,...).   - Lắng nghe  - Hs luyện đọc |
| **Tiết 2 (30 phút)** | |
| 1. Luyện đọc câu  * GV: Bài đọc có mấy câu? (HS đếm: 6 câu). GV chỉ chậm từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng. * HS (cá nhân, từng cặp) luyện đọc tiếp nối từng câu.  1. Thi đọc đoạn, bài. (Chia bài làm 2 đoạn: 2 câu / 4 câu). (Quy trình như các bài trước).   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC, mời HS nói về từng hình ảnh trên bảng lớp. (Hình 1: Bé Chi đang khóc mếu. Hình 2: Chị Trà dỗ Chi.) * HS làm bài trong VBT. /1 HS báo cáo kết quả. GV giúp HS nối chữ với hình trên bảng lớp. / Cả lớp đọc kết quả (đọc lời, không đọc chữ và số): Hình 1: Bé Chi nhớ mẹ. / Hình 2: Chị Trà dỗ bé Chi. / GV: *Chị Trà dỗ bé Chi thế nào?* (Chị dỗ: “Bé nhè thì cô chê đó”).   **2.3. Tập viết** (bảng con - BT 4)   1. HS đọc các chữ, tiếng vừa học. 2. GV vừa viết chữ mẫu vừa hướng dẫn  * Chữ **tr:** là chữ ghép từ 2 chữ HS đã biết là **t, r.** * Chữ **ch:** là chữ ghép từ 2 chữ HS đã biết là **c** và **h.** * Tiếng **tre:** viết **tr** trước, **e** sau. * Tiếng **chó:** viết **ch** trước, **o** sau, dấu sắc đặt trên **o.**   *c. Thực hành viết*  Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  - GV nhận xét | - Hs thực hiện(1 HS, cả lớp)  - Hs luyện đọc  - Hs thực hiện  Hs thực hiện  - Hs đọc: tr,ch,tre,chó  - Hs quan sát  - HS viết chữ **ng, ngh** và tiếng **ngà, nghé** lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3-4 HS giới thiệu bài trước lớp  - HS khác nhận xét |
| **3.Củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - Về nhà làm lại bài tập  - GV khuyến khích HS tập viết chữ **ng, ngh** trên bảng con. xem trước bài tiếp theoGV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. |  |

Ngày soạn: 09/10/2020

Ngày dạy: 12/10/2020

**Môn: Toán**

**Tiết: 16**

**Bài 14. LÀM QUEN VỚI PHÉP CỘNG – DẤU CỘNG (tiếp theo)**

**I.MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Làm quen với phép cộng qua các tình huống có thao tác thêm, củng cố cách sử dụng các dấu (+, =).

- Nhận biết ý nghĩa của phép cộng (với nghĩa thêm) trong một số tình huống gắn với thực tiễn.

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết Vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**: Các que tính, các chấm tròn.

Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng (với nghĩa thêm).

1. **Học sinh:** Vở BT, sách giáo khoa

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. Khởi động (3 phút)  - Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động: | - HS thực hiện |
| *+ Quan sát hai bức tranh* trong SGK.  *+ Nói* với bạn về những điều quan sát được từ mỗi bức tranh, chẳng hạn: Có 4 quả bóng trong rổ. Thêm 1 quả bóng. Có tất cả 5 quả bóng trong rổ.  - GV hướng dần HS xem tranh, giao nhiệm vụ cho HS và gợi ý để HS chia sẻ những gì các em quan sát được.  **2. Hoạt động cơ bản (30 phút)** |  |
| Hoạt động 1: hình thành kiến thức  GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau: | - HS thao tác trên que tính: Lấy ra 4 que tính. *Lấy thêm* 1 que tính. Đếm xem có tất cả bao nhiêu que tính? |
|  | - HS nói: “Có 4 que tính. Thêm 1 que tính. Có tất cả 5 que tính”. |
| GV lưu ý hướng dần HS sử dụng mẫu câu khi nói: *Có... Thêm... Có tất cả...* |  |
| **Hoạt động cả lớp:**  GV dùng các chấm tròn đế diễn tả các thao tác HS vừa thực hiện trên que tính. | - HS nhìn 4 + 1-5, đọc *bốn cộng một bằng năm.* |
| - GV giới thiệu cách diễn đạt bằng kí hiệu toán học 4+1=5. |  |
| **Củng cố kiến thức mới:**  - GV nêu tình huống khác,  HS nêu phép cộng tương ứng rồi gài thẻ phép tính vào thanh gài. Chẳng hạn: “Có 3 ngón tay. Thêm 2 ngón tay. Có tất cả mấy ngón tay? Bạn nào nêu được phép cộng?”. HS gài phép tính 3 + 2 = 5 vào thanh gài. | - Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng. |
| Hoạt động 2: thực hành, luyện tập  Bài 1  - Cho HS làm bài 1: HS quan sát tranh, chẳng hạn: |  |
| + Có 1 con ong, thêm 1 con ong bay đến. Có tất cả bao nhiêu con ong? | + Đọc phép tính và nêu số thích hợp ở ô dấu ? rồi viết phép tính 1 + 1 = 2 vào vở.  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau và nói cho nhau về tình huống trong bức tranh và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. |
| - GV chốt lại cách làm bài, gợi ý để HS sử dụng mẫu câu: *Có... Thêm... Có tất cả...* |  |
| Bài 2  - Cho HS quan sát các tranh vẽ, nhận biết phép tính thích hợp với từng rranh vẽ; Thảo luận với bạn về chọn phép tính thích hợp cho từng tranh vẽ, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lớp. | - HS quan sát . Chia sẻ trước lớp. |
| - GV chốt lại cách làm bài. |  |
| **Bài 3.** Cá nhân HS quan sát tranh, đọc phép tính tương ứng đã cho, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe một tình huống theo bức tranh. Chia sẻ trước lớp. GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mầu câu khi nói: Cớ... *Thêm... Có tất cả...* |  |
| 3.Ứng dụng (vận dụng) thực hành  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (với nghĩa thêm) rồi chia sẻ với bạn, chẳng hạn: Hà có 5 cái kẹo. Mẹ cho thêm 1 cái kẹo. Hà có tất cả mấy cái kẹo? |  |
| 4.Củng cố, nối tiếp (2 phút)  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét tuyên dương |  |

Ngày soạn: 10/10/2020

Ngày dạy: 13/10/2020

**Môn: Tự nhiên và xã hội**

**Tiết: 11**

**BÀI 4. LỚP HỌC CỦA EM ( 3 tiết )**

**I.MỤC TIÊU**

**\*Về nhận thức khoa học:**

- Nói được tên lớp học và một số đồ dùng có trong lớp học .

- Xác định được các thành viên trong lớp học và nhiệm vụ của họ .

- Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học ; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó .

**\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về lớp học , các thành viên và hoạt động trong lớp học . - Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về lớp học , hoạt động ở lớp học .

**\*Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch , đẹp .

- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận , đúng cách đồ dùng học tập trong lớp

.**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Các hình trong SGK . VBT Tự nhiên và Xã hội 1 .Phiếu tự đánh giá cá nhân .

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở BT

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

**Giới thiệu lớp học của em**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** | |  |
| - Ổn định: GV cho HS nghe và hát theo lời bài hát : Lớp chúng mình  ? Bài hát nói với em điều gì về lớp học | | - Hát |
|  | |  |
| - Giới thiệu bài: | |  |
| + Bài hát nói đến tình cảm và sự đoàn kết giữa các thành viên trong lớp . Hôm nay , chúng ta sẽ tìm hiểu và chia sẻ về lớp học của mình .  . | | - Lắng nghe |
| **2. Hoạt động cơ bản. (35 phút)** | |  |
| ***Hoạt động 1.*Tìm hiểu lớp học của bạn An** | | |
| *\* Cách tiến hành:* | |  |
| *Bước 1 : Làm việc theo cặp*  - HS quan sát các hình ở trang 28 , 29 trong SGK  GV hỏi: + Lớp bạn An có những ai ? Họ đang làm gì ?  + Trong lớp có những đồ dùng gì ? Chúng được sắp đặt như thế nào ?  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*   * GV yêu cầu đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp . * HS khác nhận xét , bổ sung câu trả lời . | | -HS quan sát  -HS tìm hiểu và làm việc theo cặp  -Đại diện trình bày kết quả  + Lớp bạn An có thầy / cô giáo và các bạn HS . Thầy / cô giáo hướng dẫn HS học tập , HS hát , vẽ , ...  + Trong lớp bạn An có nhiều đồ dùng như : bảng , bàn ghế GV và HS , quạt trần , tủ đồ dùng , ... |
|  | |  |
|  | |  |
| \* GV kết luận hoàn thiện các câu trả lời. | |  |
| **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng** | | |
| **Hoạt động 2 : Giới thiệu về lớp học của mình**  \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc theo cặp*  - Yêu cầu HS giới thiêu về lớp học HS đặt câu hỏi , HS kia trả lời . GV hướng dẫn HS đặt câu hỏi:  + Nêu tên lớp học của chúng mình .  + Lớp học có những đồ dùng gì ? Chúng được sắp đặt như thế nào ?  + Nói về các thành viên trong lớp học ( tên và nhiệm vụ chính của họ ) . | HS giới thiệu với bạn về lớp học của mình.  + HS thay nhau hỏi và trả lời  **-**Hai thành viên chính trong lớp học là GV và HS , Nhiệm vụ chính của GV là dạy học , nhiệm vụ chính của HS là học tập | |
|  |  | |
| *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  -GV yêu cầu đại diện một số cặp lên hỏi và trả lời câu hỏi trước lớp . HS khác nhận xét , bổ sung . GV bình luận , hoàn thiện các hỏi và câu trả lời của HS .  - GV hỏi cả lớp : Các em đã làm gì để giữ gìn đồ dùng trong lớp học ?  - Một số HS trả lời , HS khác bổ sung  -GV gợi ý và hoàn thiện câu trả lời .  - HS làm yêu cầu 1 , 2 của Bài 4 ( VBT ) . | HS thay nhau hỏi và trả lời  -Đế giữ đồ dùng trong lớp học , HS sắp xếp đồ dùng đúng chỗ ; lau chùi và bảo quản đồ dùng , không viết , vẽ bậy lên đồ dùng , sử dụng đồ dùng đúng cách ; ...  -HS làm Bài tập | |
| - GV kết hợp với HS nhận xét phần giới thiệu  **4. Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  - Lớp chúng ta là lớp mấy?  - về nhà xem lại bài. Xem tiếp phần tiếp theo  - Nhận xét tuyên dương |  | |

Ngày soạn: 12/10/2020

Ngày dạy: 15/10/2020

**Môn: Tự nhiên và xã hội**

**Tiết: 12**

**BÀI 4. LỚP HỌC CỦA EM ( tt )**

**I.MỤC TIÊU**

**\*Về nhận thức khoa học:**

- Nói được tên lớp học và một số đồ dùng có trong lớp học .

- Xác định được các thành viên trong lớp học và nhiệm vụ của họ .

- Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học ; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó .

**\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về lớp học , các thành viên và hoạt động trong lớp học . - Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về lớp học , hoạt động ở lớp học .

**\*Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch , đẹp .

- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận , đúng cách đồ dùng học tập trong lớp

.**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Các hình trong SGK . VBT Tự nhiên và Xã hội 1 .Phiếu tự đánh giá cá nhân .

2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở BT

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 2**  **Một số hoạt động chính ở lớp học** | |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   Ổn định lớp   1. Hoạt động cơ bản (30 phút)   **Hoạt động 1: khám phá Tìm hiểu hoạt động học tập trong giờ học** | |
| \*Cách tiến hành  *Bước 1 :Làm việc theo nhóm 6*  + GV yêu cầu HS quan sát các hình ở trang 30 trong SGK , kể tên một số hoạt động ở lớp bạn An . Các bạn trong hình đã sử dụng những đồ dùng học tập nào ?  + Trong giờ học , em đã tham gia những hoạt động nào ? Với mỗi hoạt động đó thường sử dụng đồ dùng học tập nào ?  Cùng thực hành sử dụng đồ dùng mà các em vẫn thường sử dụng . Ví dụ : Bộ chữ học Văn ,  + Cùng thực hành sử dụng một số đồ dùng học tập ( tuỳ điều kiện , HS được Bộ đồ dùng môn Toán , hộp bút màu , ... ) . | - HS quan sát.  -Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm. |
|  |  |
|  |  |
| *Bước 2. Làm việc cả lớp*  - . GV cho đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả thảo luận.  - GV bình luận và hoàn thiện các câu trả lời và phần thực hành của các nhóm . GV hỏi : Các em cảm thấy thế nào khi tham gia vào những hoạt động học tập trên lớp  - GV cùng HS theo dõi, bổ sung | Lần lượt đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm.  - HS nhận xét nhóm bạn  - HS trả lời theo cảm nhận của các em . |
| **3. Hoạt động nối tiếp. (2 phút)**  -Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận , đúng cách đồ dùng học tập trong lớp .  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Lắng nghe |

Ngày soạn: 10/10/2020

Ngày dạy: 13/10/2020

**Môn: Đạo đức**

**Tiết: 6**

**Bài 3: Học tập, sinh hoạt đúng giờ. (tt)**

**I/ MỤC ĐÍCH**

Học xong bài học này, học sinh cần đạt:

- Nêu được một số biểu hiện và sinh hoạt đúng giờ.

- Giải thích được vì sao học tập, sinh hoạt đúng giờ.

- Thực hiện được các hành vi học tập và sinh hoạt đúng giờ.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Mẫu phiếu nhắc việc của gv.

- Đồng hồ báo thức theo nhóm của HS.

- Bộ giấy, keo, bút làm phiếu nhắc việc của HS.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: GV cho HS hát. |  |
| HS nhận xét phần chia sẻ của HS. |  |
| - Giới thiệu bài mới:  Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu bài : Học tập và sinh hoạt đúng giờ.  **2**. **hoạt động cơ bản (30 phút)** |  |
| **Hoạt động 2:** Tìm hiểu tác hại của việc học tập, sinh hoạt không đúng giờ. |  |
| - GV treo tranh lên bảng lớp. | - HS quan sát |
| |  |  | | --- | --- | |  |  | |  | | |  |
| - Gv giao nhiệm vụ cho Hs làm việc theo nhóm đôi. Quan sát tranh và trả lời theo gợi ý:  - Điều gì xảy ra trong mỗi tranh?  - Không đúng giờ có tác hại gì?  - Gv gọi Hs trình bày trước lớp.  **- Gv kết luận:** Học tập và sinh hoạt không đúng giờ ảnh hưởng đến sức khỏe và kết quả học tập của bản thân, làm phiền người khác; làm giảm sự tôn trọng của người khác đối với mình. | - HS làm việc theo nhóm đôi. Thảo luận và trả lời câu hỏi:  + H1: Lan đến lớp học khi cô giáo đang viết bảng  + H2: Quân ngủ gật trên bàn học khi cô đang giảng bài. Quân giải thích với cô do tối hôm trước em ngủ quá muộn.  + H3: Trường đang mải bắt con chuồn chuồn. Cô giáo cùng các bạn nhắc trường lên xe trở về trường.  - Làm ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe bản thân và làm phiền người khác.  - Lần lượt các nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận.  Nhóm khác nhận xét bổ sung.  - HS theo dõi, nhắc lại. |
| **Hoạt động 3**: Tìm những cách giúp em làm việc đúng giờ. |  |
| - GV treo tranh lên bảng lớp. | - HS quan sát |
| - Giáo viên giao nhiệm vụ cho Hs làm việc theo nhóm đôi. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.  + Có những cách nào để thực hiện đúng giờ?  + Em đã sử dụng những việc nào để đúng giờ?  - GV yêu cầu một số nhóm trình bày trước lớp. | - HS làm việc theo nhóm đôi. Thảo luận và trả lời câu hỏi:  + Nhờ người khác nhắc nhở, sử dụng chuông đồng hồ báo thức, làm phiếu nhắc việc.  + HS nêu những việc đã làm  - Nhóm khác nhận xét bổ sung. |
| \* Gv kết luận : Để thực hiện đúng giờ trong học tập và sinh hoạt, em có thể nhờ người lớn nhắc nhở, sử dụng chuông đồng hồ báo thức, làm phiếu nhắc việc.  **3. Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  - Học tập sinh hoạt đúng giờ giúp chúng ta điều gì?  - Xem lại bài, xem tiếp phần tiếp theo  - Nhân xét, tuyên dương | - HS theo dõi, nhắc lại. |

Ngày soạn: 13/10/2020

Ngày dạy: 16/10/2020

**Môn: Toán**

**Tiết: 18**

**Bài 16. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (t1)**

**I.MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 1. Khởi động (3 phút)  - Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động: |  |
| *+ Quan sát* bức tranh trong SGK.  *+ Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn: “Có 4 con chim ở dưới sân. Có 2 con chim đang bay đến. Có tất cả bao nhiêu con chim?”, HS đếm rồi nói: “Có tất cả 6 con chim”. | + Chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chồ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được. |
| - GV hướng dần HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý đế HS chia sẻ những gì các em quan sát được từ bức tranh có liên quan đến phép cộng. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em.  **2. Hoạt động cơ bản (30 phút)** | - HS theo dõi |
| Hoạt động 1: hình thành kiến thức  **1.1.** GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau: | *- Quan sát* hình vẽ “chong chóng” trong khung kiến thức trang 38. |
| - GV *nói:* Bạn gái bên trái có 3 chong chóng - Lấy ra 3 chấm tròn; |  |
| Bạn gái bên phải có 1 chong chóng - Lấy ra 1 chấm tròn. |  |
| Để biết có tất cả bao nhiêu chong chóng (hay chấm tròn) ta thực hiện phép cộng 3 + 1. | - HS nói: 3 + 1=4. |
| **1.2.**HS thực hiện tương tự với hình vẽ “chim bay” trong khung kiến thức trang 38 và nói kết quả *phép cộng*. 4 + 2 = 6.  GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói : *Có... Có... có tất cả...* |  |
| **1.3**.Củng cố kiến thức mới:  GV nêu một số tình huống. HS đặt phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng rồi gài kết quả vào thanh gài.  Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng và tính kết quả. |  |
| Hoạt động 2: thực hành, luyện tập  Bài 1  - GV hướng dẫn HS cách làm 1 phép tính.  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính), rồi ghi phép tính vào vở. | - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. |
| - GV có thể nêu ra một vài phép tính khác để HS củng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. |  |
| Bài 2  - Cho HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm đê tìm kết quả phép tính). | - HS thảo luận với bạn về kết quả tính được, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lóp. |
| - GV chốt lại cách làm bài. |  |
| Bài 3  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tưomg ứng. Chia sẻ trước lớp.  *Ví dụ* câu a): Bên trái có 3 chú mèo. Bên phải có 2 chú mèo. Có tất cả bao nhiêu chú mèo? Phép tính tương ứng là: 3 + 2 = 5. | - HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tưomg ứng. Chia sẻ trước lớp. |
| 3. Ứng dụng (vận dụng) thực hành  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6. | - HS thực hiện |
| 4. Củng cố, nối tiếp  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? |  |
| - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét tuyên dương |  |

Ngày soạn: 12/10/2020

Ngày dạy: 15/10/2020

**Môn: Hoạt động trải nghiệm**

**Tiết: 17**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**EM LÀ NGƯỜI LỊCH SỰ**

**I. MỤC TIÊU:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Thể hiện cảm xúc và cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống, hoàn cảnh quen thuộc khi đi tham quan, dã ngoại hoặc tham gia các hoạt động xã hội.

- Có kĩ năng tự điều chỉnh hành vi của bản thân thể hiện cách ứng xử phù hợp, lịch sự khi đi tham quan, dã ngoại hoặc tham gia các hoạt động xã hội.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Giáo viên: Tranh, ảnh về những hành động, việc làm thể hiện sự lịch sự. Đồ dùng, trang phục để HS đóng vai.
2. Học sinh: Sách GK, vở BT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: | - Hát |
| - Giới thiệu bài |  |
| + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về thế nào là người lịch sự. | - Lắng nghe |
| **2. Các hoạt động chủ yếu. (30 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Thể hiện cảm xúc và cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống, hoàn cảnh quen thuộc khi đi tham quan, dã ngoại hoặc tham gia các hoạt động xã hội.  - Có kĩ năng tự điều chỉnh hành vi của bản thân thể hiện cách ứng xử phù hợp, lịch sự khi đi tham quan, dã ngoại hoặc tham gia các hoạt động xã hội. | |
| **Hoạt động 1. Trò chơi “Làm người lịch sự”** | |
| - Mục tiêu: Khởi động, tạo tâm thế vào hoạt động, HS bước đầu nêu được vai trò của việc thể hiện lịch sự trong lời nói. | |
| *\* Cách tiến hành :*  - GV phổ biến luật chơi: Cô sẽ nói các lời yêu cầu, đề nghị HS làm theo, nếu trong lời nói có từ “*Mời*”ở trước thì các em làm theo, nếu trong lời nói không có từ “*Mờ*i”ở trước thì các em không làm theo*.*  - GV cho HS chơi trò chơi một vài lần.  - HS trả lời câu hỏi : Em học được gì thông qua trò chơi này? | - HS đứng thành các hàng dọc giữa lối đi và lắng nghe phổ biến luật chơi:  - HS tham gia trò chơi  - HS trả lời theo quan điểm của bản thân. |
| \*GV kết luận:  - Trong cuộc sống hàng ngày, lời nói rất quan trọng. Khi chúng ta nói lời hay, lịch sự thì người khác sẽ luôn muốn nghe và làm theo. | - Theo dõi, lắng nghe |
| **3. Ứng dụng (vận dụng), thực hành** | |
| **Hoạt động 2: Quan sát tranh và liên hệ với những lời nói, "để thể hiện phép lịch sự”.** | |
| **\* Mục tiêu:**  - HS quan sát tranh để bày tỏ thái độ và tự liên hệ về cách ứng xử lịch sự của bản thân với bạn bè và mọi người xung quanh. | |
| *Bước 1.* Tổ chức cho HS quan sát tranh:  - GV chia nhóm và cho HS làm việc nhóm.  - GV cho HS quan sát tranh trong SGK và nhận xét, đánh giá về lời nói, hành động của mọi người trong tranh. | - Làm việc theo nhóm  - HS trình bày những cảm nhận của cá nhân các em với bạn trong nhóm.  - Đại diện các nhóm lần lượt lên chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn |
| *Bước 2.*Làm việc cặp đôi:  - GV cho HS trả lời theo các câu hỏi:  +Khi người khác ứng xử lịch sự với bạn, bạn cảm thấy như thế nào?  + Bạn đã làm gì để thể hiện lịch sự với bạn bè và mọi người xung quanh?  - GV cho các nhóm lên trình bày kết quả làm việc của nhóm  -GV nhận xét và rút ra kết luận. | - Từng cặp HS hỏi và trả lời theo các câu hỏi. Sau đó đổi vai.  + Cảm thấy được tôn trọng, thoải mái.  + HS chia sẻ những việc cần làm thể hiện sự lịch sự.  - 2 đến 3 nhóm HS lên hỏi – đáp các câu hỏi trên trước cả lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn. |
| *\* Kết luận:*Khi gặp người quen, các em nên chào hỏi lễ phép; khi muốn đề nghị hoặc yêu cầu người khác giúp đỡ, chúng ta nên nói năng nhẹ nhàng, thể hiện thái độ tôn trọng, thân thiện và lịch sự với người khác. | - Lắng nghe, ghi nhớ |
| **Hoạt động 3: Đóng vai** | |
| ***\* Mục tiêu:***HS tham gia vào một số tình huống giả định để rèn kĩ năng ứng xử phù hợp trong một số tình huống, hoàn cảnh quen thuộc khi đi tham quan, dã ngoại hoặc tham gia các hoạt động xã hội. | |
| ***\* Cách tiến hành:***  - GV nêu yêu cầu: Chia lớp thành các nhóm 4 người. Mỗi nhóm sẽ bốc thăm 1 tình huống và đóng vai thể hiện cách xử lý tình huống đó. | - HS chia theo nhóm bàn. Các nhóm cử đại diện lên bốc thăm tình huống của nhóm. |
| *Tình huống 1:* Giờ ra chơi, một số bạn đang chơi nhảy dây ở sân trường, các em đang xếp hàng chờ đến lượt chơi thì Nga chạy từ đầu lại chen ngang và bảo “Để tớ chơi trước”. Nếu em đang chơi mà gặp tình huống này, em sẽ làm thế nào? | - Em sẽ khuyên bạn không nên chen ngang. Nếu muốn chơi hãy tham gia và chờ đến lượt của mình. |
| *Tình huống 2:* Giờ ra chơi, do mải chạy nên Nam va phải một bạn gái, làm bạn này bị ngã. Nếu em là Nam, em sẽ nói gì với bạn gái? | - Nếu em là Nam, em sẽ đỡ bạn dậy và xin lỗi bạn vì sự sơ ý vừa rồi. |
| *Tình huống 3:* Hải được bố mẹ cho đi chơi ở công viên, khi các bạn đang xếp hàng đợi đến lượt tham gia trò chơi đu quay, Hải quá háo hức nên chen ngang các bạn, chạy đứng lên đầu. Nếu em là bạn của Hải, em sẽ khuyên Hải như thế nào? | Nếu em là bạn của Hải, em sẽ khuyên bạn không nên chen lấn xô đẩy mà cần xếp hàng chờ đến lượt mình. |
| *Tình huống 4:* Trên đường vào lớp, bạn Huy làm rơi mũ. Hoa đi sau nhìn thấy đã nhặt mũ và đưa trả cho Huy. Nếu là Huy, em sẽ nói gì với Hoa? | Nếu là Huy, em sẽ nói lời cảm ơn vì sự giúp đỡ của bạn. |
| - Cho HS thảo luận tình huống và đóng vai theo nhóm.  - GV gọi các nhóm đóng vai trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét các nhóm. | - HS thảo luận, xử lí tình huống, phân vai, tìm lời thoại để đóng vai.  - Lần lượt từng nhóm lên đóng vai xử lí các tình huống.  - HS nhận xét nhóm bạn. |
| *\* Kết luận:*Các em cần lưu ý cách ứng xử lịch sự với mọi người xung quanh: không nên chen lấn, xô đẩy, nói năng lịch sự, lễ phép; giữ vệ sinh đường phố; khi có thể hãy giúp đỡ người khác; xin lỗi và nhận lỗi khi mình sai. Khi làm được những việc này, em sẽ được người khác quý mến, khen ngợi. |  |
| **3. Ứng dụng, nối tiếp: (2 phút)**  - Về nhà chia sẻ với người thân về cảnh quan và cảm nhận của mình về Em là người lịch sự.  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Lắng nghe |

Ngày soạn: 13/10/2020

Ngày dạy: 16/10/2020

**Môn: Hoạt động trải nghiệm**

**Tiết: 18**

**SINH HOẠT LỚP**

**THỰC HIỆN NÓI LỜI HAY Ý ĐẸP**

**I. MỤC TIÊU:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Bước đầu biết và hiểu cách thể hiện lời hay ý đẹp trước các bạn.

- Vui vẻ, tự tin trong giao tiếp với mọi người.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động (2 phút)**  Ổn định: Hát  **2. Hoạt động cơ bản (30 phút)**  **Hoạt động 1: Nhận xét trong tuần 1**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  **Hoạt động 2: Phương hướng tuần 2**  - Thực hiện dạy tuần 2, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***H*oạt động 3: Thực hiện nói lời hay ý đẹp*.***  *a. Học sinh tự đánh giá việc thực hiện nói lời hay ý đẹp.*  - GV cho HS làm việc theo nhóm.  - GV hướng dẫn HS thực hiện chia sẻ theo tổ, nhóm với các nội dung:  + Các em đã thực hiện nói lời hay ý đẹp như thế nào trong học tập và sinh hoạt hằng ngày ở trường?  + Các em đã thực hiện nói lời hay ý đẹp như thế nào trong học tập và sinh hoạt hằng ngày ở nhà?  + Nêu cảm xúc của mình sau khi thực hiện nói lời hay ý đẹp  - Y/C các nhóm thảo luận  -Y/C từng nhóm lần lượt cử đại diện lên thực hiện báo cáo kết quả thảo luận của nhóm.  *b. GV thực hiện*  - Đánh giá chung kết quả thực hiện nói lời hay ý đẹp của học sinh trong lớp; biểu dương khen thưởng các em thực hiện tốt.  - Nhắc nhở HS thường xuyên thực hiện nói lời hay ý đẹp trong học tập vàđời sống hằng ngày.  **3. Củng cố, nối tiếp (3 phút)**  Nhắc nhở HS về nhà thực hành nói lời hay ý đẹp  Xem trước bài tiếp theo  Nhận xét tuyên dương | - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Các nhóm lên trao đổi, giới thiệu  - HS làm việc theo nhóm 4.  - HS theo dõi, lắng nghe cô hướng dẫn.  - Các nhóm làm việc thảo luận các nội dung, đưa ra các lời hay trong mỗi tình huống.  - Mỗi nhóm cử đại diện lên thực hiện nói lời hay ý đẹp trong hoàn cảnh cụ thể do GV đề xuất.  - HS lắng nghe |

Ngày soạn: 10/10/2020

Ngày dạy: 13/10/2020

**Môn: Tập viết**

**Tiết: 11**

**Bài 28, 29**

1. **MỤC TIÊU:**

Tô, viết đúng các chữ vừa học ở bài 28, 29: **t, th, tr, ch** và các tiếng **tổ, thỏ, tre, chó -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **Giáo viên:** Các chữ mẫu *t, th, tr, ch,* đặt trong khung chữ.
3. **Học sinh:** Vở luyện viết, bảng con
4. **HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Khởi động (2 phút)**   Ổn định lớp  **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.   1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)** | Hát |
| **Hoạt động Luyện tập** |  |
| 1. Cả lớp đọc các chữ, tiếng được viết trên bảng: *t, tổ, th, thỏ, tr, tre, ch, chó.* 2. Tập tô, tập viết: *t, tổ, th, thỏ*  * GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:   + Chữ *t:* cao 3 li, viết 1 nét hất, 1 nét móc ngược, 1 nét thẳng ngang. Quy trình viết: Đặt bút trên ĐK 2, viết nét hất, đến ĐK 3 thì dừng. Từ điểm dừng của nét 1, rê bút lên ĐK 4 rồi chuyển hướng ngược lại viết nét móc ngược, dừng bút ở ĐK 2. Từ điểm dừng của nét 2, lia bút lên ĐK 3 viết nét thẳng ngang.  + Tiếng tổ: viết chữ *t* trước, *ô* sau, dấu hỏi đặt trên ô; chú ý nét nối giữa *t* và ổ.  + Chữ *th,* ghép từ hai chữ *t* và *h.* Chú ý viết *t* và *h* liền nét.  + Tiếng *thỏ,* viết *th* trước, *o* sau, dấu hỏi đặt trên o; chú ý nét nối giữa *th* và *o.*   1. Tập tô, tập viết: *tr, tre, ch, chó* (như mục b)  * GV hướng dẫn:   + Chữ *tr:* là chữ ghép từ hai chữ *t* và *r.*  + Tiếng *tre,* viết *tr* trước, *e* sau.  + Chữ *ch,* là chữ ghép từ hai chữ *c* (1 nét cong trái) và *h.*  + Tiếng *chó,* viết *ch* trước, *o* sau, dấu sắc đặt trên *o.* | - Hs thực hiện  - Hs Tập tô, tập viết: *t, tổ, th, thỏ*   * 1 HS nhìn bảng, đọc các chữ, tiếng; nói cách viết, độ cao các con chữ.   - Hs quan sát  -   * HS tô, viết các chữ, tiếng *t, tổ, th, thỏ* trong vở *Luyện viết 1,* tập một. * HS theo dõi * HS tô, viết: *tr, tre, ch, chó* trong vở *Luyện viết 1,* tập một; hoàn thành phần *Luyện tập thêm.* |
| **3.Củng cố, nối tiếp (3 phút)**  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành |  |

Ngày soạn: 11/10/2020

Ngày dạy: 14/10/2020

**Môn: Tiếng việt**

**Tiết: 50,51**

**Bài 30 u ư**

(2 tiết)

1. **MỤC TIÊU**

* Nhận biết các âm và chữ cái **u, ư;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **u, ư.**
* Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm **u,** âm **ư.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Chó xù.*
* Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng: **u, ư, tủ, sư tử.**

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **Giáo viên:** Thẻ đế HS viết ý đúng: a hay b?
3. **Học sinh:** sách GK, vở BT, bảng con

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   - Ổn định  - 2 HS đọc bài Tập đọc *Đi nhà trẻ* (bài 29). | hát  - Hs đọc bài |
| **Giới thiệu bài:** âm và chữ cái **u, ư,** chữ in hoa **U, Ư.**  GV chỉ từng chữ trong tên bài, phát âm mẫu cho HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại   1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)** |  |
| **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  |
| * 1. Âm **u,** chữ **u:** Gv giơ tranh cái tủ hỏi cái gì đây?   C:\Users\dell\AppData\Local\Microsoft\Windows\INetCache\Content.Word\giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-56-bai-30-u-u-h1.jpg   * 1. Âm **ư,** chữ **ư:**   Gv giơ tranh con sư tử hỏi con gì đây?  C:\Users\dell\AppData\Local\Microsoft\Windows\INetCache\Content.Word\giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-56-bai-30-u-u-h1.jpg | - HS nói: tủ. / Nhận biết: **t, u,** dấu hỏi = **tủ.** Đọc: **tủ. /** Phân tích tiếng **tủ. /** Đánh vần và đọc tiếng: **tờ - u - tu - hỏi - tủ / tủ.**  HS nói: **sư tử. /** Nhận biết: **s, ư = sư; t, ư,** dấu hỏi = **tử.** Đọc: **sư tử. /** Phân tích các tiếng **sư, tử. /** Đánh vần, đọc trơn: **sờ - ư - sư / tờ - ư - tư - hỏi - tử** */* **sư tử.**  \* HS nhắc lại: 2 chữ mới học là **u, ư;** 2 tiếng mới học: **tủ, sư tử.** HS nhìn mô hình các tiếng, đánh vần, đọc trơn. HS gài lên bảng cài: **u, ư.** |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** |  |
| **2.1 Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **u?** Tiếng nào có âm **ư?)**  https://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/26/giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-56-bai-30-u-u-h2.jpg   * GV chỉ từng từ (in đậm), cả lớp: Tiếng **đu** có âm **u.** Tiếng **đủ** có âm **u.** (Hoặc: Hai tiếng **đu đủ** đều có âm **u)...** Tiếng **từ** có âm **ư...**   - Tìm tiếng ngoài bài  **22. Tập đọc** (BT 3)   1. GV chỉ hình, giới thiệu bài *Chó xù:* Chó xù là loài chó có bộ lông xù lên. Sư tử cũng có lông bờm xù lên. Các em cùng đọc bài để biết chuyện gì xảy ra giữa chó xù và sư tử.https://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/26/giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-56-bai-30-u-u-h3.jpg 2. GV đọc mẫu.   **Chó xù**  Chó xù lừ lừ đi qua ngõ. Lũ gà ngỡ nó là sư tử, sợ quá. Sư tử đi qua. Nó ngó chó xù:  - Mi mà là sư tử à?  Chó xù sợ quá:  - Dạ… chỉ là chó xù ạ.   1. Luyện đọc từ ngữ: **chó xù, lừ lừ, ra ngõ, ngỡ, sư tử, ngó, mi, sợ quá.** GV giải nghĩa: *lừ lừ* (đi chậm chạp, lặng lẽ), *ngỡ* (nghĩ là như thế nhưng sự thật không phải là thế), *ngó* (nhìn). | * 1 HS đọc, cả lớp đọc: *đu đủ, cá thu,...* * HS tìm tiếng có **u,** có **ư;** nói kết quả   - Hs thực hiện.   * HS nói 3-4 tiếng ngoài bài có âm **u** (su su, ru, ngủ, thu, phú,...); có âm **ư** (hư, sử, thứ, thử, tự,...).   -HS lắng nghe  - Hs luyện đọc |
| **Tiết 2 (30 phút)** | |
| 1. Luyện đọc câu  * GV: Bài có mấy câu? * GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng). * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 câu / 3 câu) (theo cặp / tổ). 2. Thi đọc theo vai  * (Làm mẫu): GV (người dẫn chuyện) cùng 2 HS (vai chó xù, sư tử) đọc mẫu.   . GV khen HS, tốp HS đọc đúng vai, đúng lượt lời, biếu cảm.   * Cả lớp đọc đồng thanh cả bài (đọc nhỏ).  1. Tìm hiểu bài đọc  * GV nêu YC. HS đọc từng ý a, b của BT. * HS khoanh tròn ý đúng trong VBT hoặc ghi ý mình chọn lên thẻ. * GV: Ý nào đúng? HS giơ thẻ. GV:   + Ý a đúng *(Lũ gà ngỡ chó xù là sư tử).*  + Ý b sai (Vì sư tử biết rõ chó xù không phải là sư tử nên mới hỏi đầy đe doạ: —Mi mà là sư tử à?”).  **2.3. Tập viết** (bảng con - BT 4)   1. Yêu cầu cả lớp nhìn bảng đọc các chữ, tiếng vừa học: **u, ư, tủ, sư tử.** 2. GV vừa viết mẫu vừa hưởng dẫnhttps://i.vdoc.vn/data/image/2020/08/26/giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-56-bai-30-u-u-h5.jpg  * Chữ u: cao 2 li; gồm 1 nét hất, 2 nét móc ngược. Chú ý: nét móc ngược 1 rộng hơn nét móc ngược 2.Chữ ư: như **u** nhưng thêm 1 nét râu như **ơ** (không nhỏ quá hoặc to quá). * Tiếng **tủ:** viết chữ **t** trước, **u** sau, dấu hỏi đặt trên **u.** * Thực hiện tương tự với các tiếng **sư tử.**  1. Yêu cầu HS viết bảng con | 7 câu  - Hs đọc.(1 HS, cả lớp)  - Hs thực hiện  -Từng tốp 3 HS luyện đọc theo 3 vai.  Vài tốp thi đọc  -1 HS đọc cả bài.  Hs thực hiện  -HS đọc kết quả: Ý a đúng. Ý b sai.  - Hs đọc **u, ư, tủ, sư tử.**  - Hs quan sát  -HS viết báng con: **u, ư** (2 - 3 lần). Sau đó viết: **tủ, sư tử.** |
| **3.Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  -Dặn về nhà làm BT  -Tập viết trên bảng con  **-**GV nhận xét đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương, học sinh |  |

Ngày soạn: 12/10/2020

Ngày dạy: 15/10/2020

**Môn: Tiếng việt**

**Tiết: 52,53**

**Bài 31. ua ưa**

1. **MỤC TIÊU**

* Nhận biết các âm và chữ **ua, ưa;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **ua, ưa.**
* Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm **ua,** âm **ưa.**
* Đọc đúng, hiếu bài Tập đọc *Thỏ thua rùa* (1).
* Viết trên bảng con các chữ, tiếng: **ua, ưa, cua, ngựa.**

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1 . Giáo viên:** Tranh minh họa, phiếu BT

**2. Học sinh:** SGK, VBT, bảng con

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **Tiết 1** | | |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   Ổn định  Yêu cầu HS đọc bài *Chó xù* | 2 HS đọc bài Tập đọc *Chó xù* (bài 30). | |
| **Giới thiệu bài:** âm và chữ **ua, ưa.**  GV chỉ từng chữ trong tên bài, phát âm mẫu c   1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)** | -HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại. | |
| **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  | |
| * 1. Âm **ua** và chữ **ua**   -Gv giới thiệu hình con cuaC:\Users\dell\AppData\Local\Microsoft\Windows\INetCache\Content.Word\giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-58-bai-31-ua-ua-h1.jpg  -Yêu cầu HS phân tích, đánh vần   * 1. Âm **ưa** và chữ **ưa:**   Gv giới thiệu hình con ngựa  C:\Users\dell\AppData\Local\Microsoft\Windows\INetCache\Content.Word\giai-bai-tap-tieng-viet-lop-1-trang-58-bai-31-ua-ua-h1.jpg  -Yêu cầu HS phân tích, đánh vần | HS, nhìn hình, nói: Con cua. / Nhận biết chữ **cua: c, ua;** đọc: **cua. /** Phân tích tiếng **cua:** gồm có âm **c,** âm **ua. /** Đánh vần và đọc tiếng: **cờ - ua - cua / cua.**  - HS nhận biết: **ng, ưa,** dấu nặng; đọc: **ngựa. /** Phân tích tiếng **ngựa.** / Đánh vần và đọc tiếng: **ngờ - ưa - ngưa - nặng - ngựa / ngựa.** | |
| **Hoạt động 2: Luyện tập** |  | |
| **2.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **ua?** Tiếng nào cỏ âm **ưa?)**   * Thực hiện như các bài trước. Cuối cùng, GV chỉ từng chữ in đậm, HS đồng thanh: Tiếng **dưa** (đỏ) có âm **ưa.** Tiếng **rùa** có âm **ua...** * HS nói thêm 3 4 tiếng ngoài bài có âm **ua** (đùa, múa, lụa, lúa,...); có âm **ưa** (cưa, chứa, hứa, nứa, vựa,...).   \* Củng cố: HS nói 2 chữ mới học: **ua, ưa;** 2 tiếng mới học: **cua, ngựa. GV** chỉ mô hình tiếng **cua, ngựa,** HS đánh vần, đọc trơn.  HS tìm **ua, ưa** trong bộ chữ, cài lên bảng, báo cáo kết quả.  **2.2.Tập đọc** (BT 3)   1. GV giới thiệu bài *Thỏ thua rùa* (1): Các em có biết rùa là con vật thế nào, thỏ là con vật thế nào không?   GV: Thế mà khi thi chạy, thỏ lại thua rùa. Vì sao vậy? Các em hãy cùng nghe câu chuyện.   1. GV đọc mẫu. 2. Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **thua rùa, bờ hồ, đùa, thi đi bộ, chả sợ, thi thì thi, phi như gió.** | -HS thực hiện  -HS đọc  -Rùa bò rất chậm. Thỏ phi rất nhanh.  -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ | |
| **Tiết 2 (30 phút)** | | |
| 1. Luyện đọc câu  * GV: Bài đọc có mấy câu? * GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng. (Đọc liền 2 câu *(Rùa chả sợ:“Thi thì thi!* ”); * Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn)  1. Thi đọc đoạn, bài   Các cặp, tổ thi đọc tiếp nối 2 đoạn (5 câu / 4 câu).   * Các cặp, tổ thi đọc cả bài. / 1 HS đọc cả bài. / Cả lớp đọc đồng thanh.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV chỉ từng cụm từ cho cả lớp đọc. / HS nối ghép các từ ngữ trong VBT. * 1 HS báo cáo kết quả, GV giúp HS nối ghép các cụm từ trên bảng lớp: a-2) Thỏ rủ rùa thi đi bộ. b-1) Rùa chả sợ thi. / Cả lớp đọc lại kết quả. * GV: Qua bài đọc, em biết gì về tính tình thỏ? * GV: Chính vì thỏ chù quan, kiêu ngạo mà kết thúc cuộc thi, người thắng không phải là thỏ. Các em sẽ biết kết thúc của câu chuyện khi đọc đoạn 2.   **2.3. Tập viết** (bảng con - BT 4)   1. HS đọc các chữ, tiếng vừa học. 2. GV vừa viết mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  * **ua:** là chữ ghép từ hai chữ **u** và **a,** đều cao 2 li. * **ưa:** chỉ khác **ua** ở nét râu trên **ư.** * **cua:** viết **c** trước, **ua** sau. Chú ý nét nối giữa **c** và **ua.** * **ngựa:** viết **ng** trước, **ưa** sau; dấu nặng đặt dưới **ư.**  1. HS viết: **ua, ưa** (2 lần). / Viết: **cua, ngựa.** | | * HS đếm: 9 câu. * Hs thực hiện   - Hs đọc(cá nhân, từng cặp).  - Hs thực hiện  - Hs thực hiện  - Hs thực hiện   * Thỏ rất xem thường rùa, chủ quan, kiêu ngạo cho là mình có tài chạy nhanh.   - HS đọc các chữ, tiếng vừa học.ua,ưa.  - Hs quan sát  - Hs viết bài |
| **3.Củng cố, nối tiếp (2 phút)**  -GV nhận xét đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương, học sinh  -Dặn về nhà làm BT  -Tập viết trên bảng con | |  |

Ngày soạn: 12/10/2020

Ngày dạy: 15/10/2020

**Môn: Tập viết**

**Tiết: 12**

**Bài 30 , 31**

1. **MỤC TIÊU**

Tô đúng, viết đúng các chữ **u, ư, ua, ưa,** và các tiếng **tủ, sư tử, cua, ngựa** ở bài 30, 31 - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **Giáo viên:** Các chữ mẫu *u, ư, ua, ưa* đặt trong khung chữ.
3. **Học sinh:** SGK, VBT, bảng con
4. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Khởi động (2 phút)**   **Ổn định**  **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.   1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)** | Hát |
| **Hoạt động Luyện tập** |  |
| 1. Cả lớp nhìn bảng đọc các chữ, tiếng: *u, tủ, ư, sư tử, ua, cua, ưa, ngựa.* 2. Tập tô, tập viết: *u, tủ, ư, sư tử*      * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:   + Chữ *u:* cao 2 li, gồm 1 nét hất, 2 nét móc ngược. Cách viết: đặt bút trên ĐK 2, viết nét hất, đến ĐK 3 thì dừng. Từ điểm dừng của nét 1, chuyển hướng để viết nét móc ngược 1. Từđiểm cuối của nét 2 (ở ĐK 2), rê bút lên tới ĐK 3 rồi viết tiếp nét móc ngược 2 (hẹp hơn nét móc ngược 1).  + Tiếng tủ: viết *t* trước, *u* sau, dấu hỏi đặt trên *u.*  + Chữ *ư:* giống chữ *u* nhưng có thêm nét râu. Cách viết: viết xong chữ *u,* từ điểm dừng, lia bút lên phía trên ĐK 3 một chút (gần đầu nét 3) viết nét râu, dừng bút khi chạm vào nét 3.  + Từ *sư tử,* viết s trước, *ư* sau. Sau đó viết *t, ư.* dấu hỏi đặt trên *ư.*   * Yêu cầu HS tập tô, tập viết: *u, tủ, ư, sư tử* trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  1. Tập tô, tập viết: *ua, cua, ưa, ngựa* (như mục b)   -GV hướng dẫn: .  *+ ua:* là chữ ghép từ hai chữ *u* và *a,* đều cao 2 li.  *+ cua:* viết *c* trước, *ua* sau.  *+ ưa: là* chữ ghép từ hai chừ *ư* và *a.*  *+ ngựa:* viết *ng, ưa,* dấu nặng đặt dưới *ư.*   * Yêu cầu HS tập tô, tập viết: *ua, cua, ưa, ngựa,* hoàn thành phần *Luyện tập thêm.* | - Hs đọc bài  1 HS nhìn bảng, đọc các chữ, tiếng; *u, tủ, ư, sư tử* nói cách viết, độ cao các con chữ .  - Hs lắng nghe, theo dõi  -HS tập tô, tập viết: *u, tủ, ư, sư tử* trong vở *Luyện viết 1,* tập một  - Hs lắng nghe  -HS tập tô, tập viết: *ua, cua, ưa, ngựa,* hoàn thành phần *Luyện tập thêm* |
| **3/Củng cố, nối tiếp : (3 phút)**  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp. | -HS lắng nghe |

Ngày soạn: 13/10/2020

Ngày dạy: 16/10/2020

**Môn: Kể chuyện**

**Tiết: 6**

**KỂ CHUYỆN  
*DÊ CON NGHE LỜI MẸ***  
(1 tiết)

1. **MỤC TIÊU**

* Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
* Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.
* Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.
* Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Ca ngợi đàn dê con thông minh, ngoan ngoãn, biết nghe lời mẹ nên không mắc lừa con sói gian ác.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Tranh minh hoạ truyện kể trong SGK (phóng to).
2. **HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)**  -GV đưa lên bảng 4 tranh minh hoạ truyện *Kiến và bồ câu* (bài 26)  **2. Hoạt động cơ bản (30 phút**) | | -HS 1 kể chuyện theo tranh. HS 2 nói lời khuyên của truyện. |
| **Hoạt động 1: Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)   * 1. **Quan sát và phỏng đoán:**   GV chỉ tranh minh hoạ: Dê mẹ có một đàn con đông đúc. Các em hãy xem tranh, đoán nội dung câu chuyện.   * 1. **Giới thiệu chuyện:** Bầy dê con trong câu chuyện *Dê con nghe lời mẹ* rất ngoan. Chúng luôn ghi nhớ lời mẹ dặn. Nhờ nghe lời mẹ, bầy dê đã tránh được tai hoạ. Các em hãy lắng nghe để biết sự việc đã diễn ra thể nào. | | - Hs theo dõi, quan sát.  -HS đoán: Dê mẹ dặn dò con trước khi ra khỏi nhà. Sói muốn đàn dê mở cửa nhưng dê không mở.....  - Hs lắng nghe |
| **Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập** | |  |
| 2.1. Nghe kể chuyện: GV kế chuyện với giọng diễn cảm. | |  |
| Dê con nghe lời mẹ  (1) Dê mẹ phải vào rừng kiếm cỏ. Nó dặn đàn con:  - Mẹ đi vắng, các con ở nhà phải dè chừng lão sói đấy. Lão sói nói giọng khàn khàn, chân lão đen sì. Khi nào về, mẹ sẽ gõ cửa và hát thế này nhé: “Các con ngoan ngoãn. Mau mở cửa ra. Mẹ đã về nhà. Cho các con bú  (2) Lão sói đứng rình ngoài cửa đã nghe hết lời dặn của dê mẹ. Đợi dê mẹ đi rồi, lão rón rén đến, vừa gõ cửa, vừa giả giọng dê mẹ hát bài hát mà lão vừa nghe lỏm.  (3) Bầy dê con nhận ra ngay giọng hát khàn khàn, không trong trẻo như giọng mẹ. Chúng còn thấy một cái chân đen sì dưới khe cửa. Thế là cả bầy cùng nói to: “Sói đi đi!”.  (4) Thấy vậy, sói đành cụp đuôi, lủi mất.  (5) Dê mẹ trở về, gõ cửa và hát. Đàn dê con nhận ngay ra giọng mẹ. Chúng mở cửa và tranh nhau kể cho mẹ nghe chuyện không mắc lừa sói. Dê mẹ khen các con thật khôn ngoan và biết nghe lời mẹ.  Theo Truyện cổ Grim (Hoàng Minh kể) | | |
| 1. **Trả lời câu hỏi theo tranh** 2. Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  * GV chỉ tranh 1, hỏi: *Trước khi đi, dê mẹ dặn các con điều gì?* * GV chì tranh 2: *sói làm gì khi dê mẹ vừa ra khỏi nhà?* * GV chí tranh 3: *Vì sao bầy dê con không mở cửa, đồng thanh đuổi sói đi?* * GV: Bầy dê rất khôn ngoan. Nhớ lời mẹ dặn, chúng rất cảnh giác, đề phòng sói. Chúng để ý giọng hát khàn khàn của sói, quan sát chân sói đen sì dưới khe cửa. * GV chỉ tranh 4: *Thấy vậy, sói làm gì?* * GV chỉ tranh *5: Dê mẹ về nhà khen các con thế nào?*  1. Mồi HS trả lời liền các câu hỏi của thầy / cô theo 2 hoặc 3 tranh. 2. 1 HS trả lời cả 5 câu hỏi theo 5 tranh.  * GV bình chọn bạn trả lời câu hỏi đúng   **2.3.Kể chuyện theo tranh**   * Mỗi HS chỉ 2 hoặc 3 tranh, tự kể chuyện.   - HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 5 tranh.  -GV cùng HS bình chọn bạn bạn kể chuyện to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể.  **2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**   * GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì? * GV: Câu chuyện khuyên các em phải khôn ngoan, có tinh thần cảnh giác, biết nghe lời mẹ như bầy dê con mới không mắc lừa kẻ xấu. * Cả lớp bình chọn những bạn HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa câu chuyện. | -Dê mẹ dặn các con phải đề phòng lão sói. Lão sói nói giọng khàn, chân đen sì. Khi nào về, mẹ sẽ gõ cửa và hát bài hát làm hiệu, các con hãy mở cửa.  - Sói đứng rình ngoài cửa nghe hết lời dặn của dê mẹ. Đợi dê mẹ đi rồi, lão rón rén đến, vừa gõ cửa, vừa giả giọng dê mẹ hát bài hát mà lão vừa nghe lỏm.  - Vì bầy dê con nhận ra giọng sói khàn khàn, không trong trẻo như giọng mẹ. Chúng còn thấy một cái chân đen sì dưới khe cửa.  -Sói đành cụp đuôi, lủi mất.  -Dê mẹ trở về, đàn con nhận ra giọng mẹ, mở cửa và kể cho mẹ nghe chuyện không mắc lừa sói. Dê mẹ khen các con khôn ngoan, biết nghe lời mẹ.  - Hs thực hiện   * HS tham gia bình chọn cùng HS   - Hs thực hiện  - HS tham gia bình chọn cùng GV  - Phải nhớ lời mẹ dặn. / Phải luôn đề phòng kẻ xấu. / Phải khôn ngoan, thông minh, không mắc lừa kẻ xấu.  -HS tham gia bình chọn | |
| **3/Củng cố, nối tiếp (2 Phút)**  GV nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết KC Chú thỏ thông minh.  Nhận xét tuyên dương | | |

Ngày soạn: 13/10/2020

Ngày dạy: 16/10/2020

**Môn: Tiếng việt**

**Tiết: 54**

**Bài 33 ÔN TẬP**

(1 tiết)

1. **MỤC TIÊU**

* Đọc đúng, hiểu ý nghĩa của bài Tập đọc *Thỏ thua rùa* (2).
* Chép đúng 1 câu văn trong bài.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Các thẻ từ ghi số TT, 3 câu của BT đọc hiểu.
* *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một.

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Khởi động (3 phút)**   **Giới thiệu bài:**  GV nêu MĐYC của bài. Mời 1 HS đọc bài *Thỏ thua rùa* (1) để kết nối với *Thỏ thua rùa* (2).   1. **Hoạt động cơ bản (30 phút)** | Mời 1 HS đọc bài *Thỏ thua rùa* |
| **Hoạt động Luyện tập** |  |
| **BT 1 (Tập đọc)**  a) GV giới thiệu: Bài Thỏ thua rùa (2) sẽ cho các em biết: Vì sao thỏ tự kiêu cho mình có tài phi nhanh như bay lại thua rùa chậm chạp.  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ: **sẽ thua, la cà, nhá dưa, lơ mơ ngủ, tự nhủ, giữa trưa.**  GV giải nghĩa: la cà (đi chỗ này chỗ kia, không có mục đích rõ ràng).  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài có 6 câu. (GV đánh số TT cho từng câu).  - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp). Đọc liền 2 câu: Rùa tự nhủ: - “Ta sẽ cố”.  - HS đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn).  e) Thi đọc đoạn, bài. (Bài chia 2 đoạn: 2/4 câu). Quy trình đã hướng dẫn.  g) Tìm hiểu bài đọc (Sắp xếp các ý...)  - GV nêu YC; chỉ từng câu cho cả lớp đọc. / HS làm bài trong VBT (đánh số TT trước mồi câu văn).  - 1 HS viết số TT lên 3 thẻ trên bảng. GV chốt đáp án. / Cả lớp đọc kết quả theo TT (1¬2-3): (1) Thỏ rủ rùa thi đi bộ. (2) Thở la cà, rùa cố bò. (3) Thỏ thua rùa.  - GV: Vì sao thỏ thua rùa?  - GV: Vì sao rùa thắng thỏ?  - GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?  - GV: Câu chuyện là lời khuyên: Chớ chủ quan, kiêu ngạo. Nếu chủ quan, kiêu ngạo thì —phi nhanh như thỏ” cũng có thể thua rùa trong cuộc thi chạy. Nếu biết mình yếu và gắng sức thì —chậm như rùa” cũng có thể lập kì tích thắng thỏ.  **BT 2 (Tập chép)**  - GV viết lên bảng câu văn cần tập chép; chỉ từng chữ cho HS đọc to, rõ.  - HS nhìn mẫu chữ trên bảng hoặc VBT, chép lại câu văn.  - HS viết xong, soát lại bài; đối bài với bạn để sứa lồi cho nhau. | - Hs lắng nghe  - Hs luyện đọc:**sẽ thua, la cà, nhá dưa, lơ mơ ngủ, tự nhủ, giữa trưa.**  -HS lắng nghe  - Hs luyện đọc  - Hs thực hiện  - Hs thực hiện  - Hs thực hiện  - Vì thỏ chủ quan, nghĩ là rùa sẽ thua nên la cà.  -Vì rùa hết sức cố gắng.  -Thỏ chủ quan nên đã thua rùa  - Hs đọc bài  - Hs thực hiện |
| 4/**Củng cố, nối tiếp** (2 phút)  GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà kể với người thân bài học mà em hiểu ra sau khi đọc truyện Thỏ thua rùa.  Nhận xét, tuyên dương | |